

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 215/2024/HC-ST
Ngày 10-9-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Tây
- Ông Võ Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 5 năm 2024, ngày 17 tháng 6 năm 2024, ngày 23 tháng 7 năm 2024 và ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An họp phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2023/TLST-HC ngày 17 tháng 11 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Người khởi kiện: ông Mai Văn L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ô khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: số D N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. Hợp đồng ủy quyền ngày 01/3/2023.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Địa chỉ: số F N, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Ú – Chủ tịch UBND tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh L: ông Lê Thành Đ – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

2.2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

3.1. Ông Mai Trung L1, sinh năm 1951;

3.2. Bà Mai Thị B, sinh năm 1954;

3.3. Ông Mai Kim T1, sinh năm 1966;

3.4. Mai Hoa Y, sinh năm 1959;

3.5. Mai Thị Kim Q, sinh năm 1978;

3.6. Mai Ngọc K, sinh năm 1964;

3.7. Mai Khoa K1, sinh năm 1962;

3.8. Ông Mai Minh T2, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ô khu A, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

3.9. Ông Trần Hoàng V, sinh năm 1970;

3.10. Bà Nguyễn Tí T3, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Ô khu A, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Mai Văn L trình bày tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/12/2022 như sau:

Thửa đất 326, tờ bản đồ số 10, diện tích khoảng 2.000m² tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ là đất của ông Mai Văn Đ1 và bà Ngô Thị B1 để lại cho con cháu các chi luân phiên canh tác.

Ông Mai Văn P (chết) có 7 người con gồm: Mai Kim T1, Mai Kim Y1, Mai Thị Kim Q, Mai Ngọc K, Mai Khoa K1, Mai Minh T2, Mai Minh H, Mai Thị B và Mai Trung L1 quản lý hương khói cho dòng họ.

Trên phần đất này có nhiều ngôi mộ thân tộc được chôn qua nhiều năm nhưng Trần Hoàng V – cháu ngoại đại diện cho chi thứ út quản lý nhưng Trần Hoàng V kê khai đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/9/2001.

Tại Biên bản họp thân tộc ngày 15/7/2015 ông Trần Hoàng V thống nhất chia phần nhưng không thực hiện trong khi đất này ông V đứng tên nhưng có nhiều ngôi mộ của thân tộc được chôn qua nhiều năm.

Vừa qua, ông Mai Văn L có kiện ra Tòa án được giải quyết bằng bản án số 74 ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định người bị kiện là UBND huyện Đ. Tại cấp phúc thẩm ông V xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp nên ông L rút đơn kiện.

Sau khi nhận được bản án hành chính phúc thẩm số 211/2022/HC-PT ngày 15/3/2022 của TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Người khởi kiện ông **Mai Văn L** yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 do **UBND tỉnh L** cấp cho ông **Trần Hoàng V** ngày 26/9/20201 đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² tọa lạc tại **thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

*Người bị kiện **UBND tỉnh L** có ý kiến tại Văn bản 1336/UBND-NCTCD ngày 06/02/2024 như sau:*

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện, Tờ trình số 838/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 02/02/2024 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L, UBND tỉnh L** có ý kiến như sau:

Về thông tin hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trần Hoàng V** đối với thửa đất 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m², **thị trấn H, huyện Đ**.

Ngày 19/7/2001, **UBND huyện Đ** có Tờ trình số 162/TTr-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực đô thị.

Ngày 28/8/2001, Sở Địa chính – Nay là **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** có Tờ trình số 54/TTr-ĐC về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực đô thị đợt 1, trong đó có 807 hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định gồm 807 giấy với tổng diện tích 719.139,90m² (có danh sách kèm theo)

Theo Tờ trình của Sở Địa chính - Nay là **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L, UBND tỉnh** đã ban hành Quyết định số 3469/QĐ-UB ngày 26/9/2001 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 807 hộ sử dụng đất tại **thị trấn H, huyện Đ**. Trong danh sách kèm theo có tên hộ ông **Trần Hoàng V** được cấp giấy chứng nhận với diện tích là 1.233m². Hộ ông **Trần Hoàng V** được UBND tỉnh ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T 268925 (số vào sổ 01001QSĐĐ/0708-LA ngày 26/9/2001) thuộc thửa đất 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² **thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

Việc **UBND tỉnh L** ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trần Hoàng v** là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Ngày 29/11/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện Đ** ký chỉnh lý điều chỉnh hộ ông (bà) **Trần Hoàng V** thành ông (bà) **Trần Hoàng V** theo văn bản thỏa thuận số 697, quyền số 2 do **UBND thị trấn H** chứng thực ngày 20/11/2018, theo hồ sơ số 112018. DT. 4551.

*Người bị kiện Chi nhánh **Văn phòng Đ2** tại **huyện Đ** có ý kiến tại Công văn số 3073/CN.VPĐKĐĐ-HCTH ngày 11/7/2024 trình bày ý kiến như sau:*

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, Chi nhánh **Văn phòng Đ2** tại **huyện Đ** có ý kiến: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Trần Hoàng V** ngày

26/9/2001 và hồ sơ biến động đất ngày 28/11/2018 tại thửa số 326, tờ bản đồ số 10 đất tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An hiện không tìm thấy trong kho lưu trữ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ nên không có cơ sở cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Mai Minh T2, bà Mai Thị B, bà Mai Hoa Y, ông Mai Ngọc K và bà Mai Hoa K2 thống nhất trình bày trong đơn ngày 21/7/2024 như sau: đất thổ mộ theo tờ bản đồ số số 10, thửa số 326 có nguồn gốc của ông bà trước ngày giải phóng, có chia tất cả các phần ăn cho các con ai cũng đều có. Phần còn lại là thửa 326 để lại làm thổ mộ sau này chôn cất trong thân tộc. Trước ngày giải phóng trong các thửa này có chôn cất ông, bà, cô, bác và con, cháu cho đến hiện nay. Cha các ông bà là ông Mai Văn P chết ngày 27/5/2021 cũng chôn trên thửa này cho nên Nhà nước cấp “giấy đỏ” cho Trần Hoàng V là sai. Vì đây là đất thổ mộ của thân tộc. tất cả các anh chị em đứng tên trong đơn cùng ý kiến với ông Mai Văn L. Xin cam đoan trình bày là sự thật và chịu trách nhiệm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2024: năm 1981 mẹ ông là bà Mai Thị P1 mua đất của ông Mai Văn H1, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B, ông Mai Văn C và ông Mai Văn P giá 2,5 chỉ vàng. Ngày 04/3/1981 âm lịch ông Mai Văn C chia đều cho mỗi người 5 phân vàng và dặt địa chính lên đo đất cấp giấy cho bà P1. Năm 1989 bà P1 chết. Năm 1991 ông thừa hưởng phần đất từ mẹ ông và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tạm của T4 sau đó năm 2001 được cấp giấy mẫu Trung ương. Giấy đó hiện bị thu hồi không còn. Tại sao từ 1981 đến 1997 khi ông C còn sống không kiện đến nay ông L mới kiện. Trong vụ án trước ông L thống nhất rút đơn ông mới rút kháng cáo. Ông L cam kết không kiện nay lại kiện. Ông không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện.

Ngày 17/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và lập biên bản không đối thoại được.

Tại phiên toà,

Người khởi kiện do ông Nguyễn Anh T đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: theo “Tờ phân chia đất” ngày 05/7/2015 có đại diện các chi tham dự và ký tên, trong đó có ông Trần Hoàng V thừa nhận thửa đất 326, TĐĐ số 10 là đất thổ thân tộc. Thống nhất chừa ra một phần làm đất thổ mộ còn lại chia 6 chi nhưng ông Trần Hoàng V lại kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên toàn bộ diện tích.

Ông Trần Hoàng V trình bày diện tích đất thửa 326 bà Mai Thị P1 (mẹ ông) “mua” của các con chi thứ 9 để lại cho ông, nhưng không đưa ra được giấy tờ trong khi những người này trừ bà B, còn lại đã chết. UBND huyện và tỉnh không

có lưu trữ hồ sơ cấp giấy cho ông V. Ông V còn trình bày ông được cấp giấy trắng trước khi đổi giấy mẫu TW nhưng không chứng minh được là thửa nào trong các thửa được cấp giấy trắng. Ngoài ra, tại phiên tòa ông V không thừa nhận phần đất thổ trên có các ngôi mộ thân tộc họ M chôn thuộc thửa 326 ông được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, căn cứ vào Mảnh trích đo đại chính ngày 26/8/2024 của Công ty TNHH Đ3 thể hiện đất thổ mộ thuộc thửa 326, TĐĐ số 10. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy chứng nhận của UBND tỉnh L đã cấp thửa 326, TĐĐ 10 cho ông Trần Hoàng V; Hủy chỉnh lý từ hộ ông (bà) sang ông (bà) Trần Hoàng V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Mai Minh T2 thống nhất không bổ sung thêm.

Ông Trần Hoàng V xác định diện tích đất thửa 326 mẹ ông tên Mai Thị P1 để lại cho ông. Nguồn gốc bà P1 “mua” từ ông Mai Văn H1, bà Mai Thị S, bà Mai Thị B, ông Mai Văn C và ông Mai Văn P. Khi mẹ ông chết ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng. Năm 2001 đổi sang giấy bìa đỏ. Khi cấp không có đo đạc. Mồ mả trên đất không thuộc thửa 326 của ông được cấp mà là thửa khác. Trường hợp mồ mả cấp trên thửa 326 ông đồng ý giao trả lại. Ông V không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Nếu đất của thân tộc sao người khởi kiện không kiện khi ông Mai Văn C còn sống nay ông C chết mới kiện.

Phía người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh L giữ nguyên ý kiến của UBND tỉnh tại văn bản gửi cho Tòa án. Việc cấp đúng trình tự, thủ tục nhưng do cấp theo hồ sơ kê khai đăng ký cấp lần đầu nên không có đo đạc, chỉ căn cứ bản đồ không ảnh. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận của người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thụ lý, quan hệ khiếu kiện, thẩm quyền đúng theo Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thời gian giải quyết vụ án đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa ngày 25/3/2022 khi xét xử phúc thẩm vụ kiện hủy giấy của UBND huyện Đ cấp cho ông Trần Hoàng V phía ông L mới phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh L cấp cho ông Trần Hoàng V nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 thời hiệu đảm bảo.

Về nội dung:

Ngày 26/9/2001 UBND tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 cho hộ ông (bà) Trần Hoàng V đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ.

Ngày 29/11/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ ký chỉnh lý điều chỉnh hộ ông (bà) Trần Hoàng V thành ông (bà) Trần Hoàng V.

Căn cứ vào “Tờ phân chia đất” ngày 05/7/2015 có đại diện các chi tham dự và ký tên, trong đó có ông Trần Hoàng V thừa nhận thửa đất 326, TĐĐ số 10 là đất thổ thân tộc.

Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện trên thửa đất 326, tờ bản đồ số 10, loại đất thổ mộ thị trấn H có hiện trạng như sau: một căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, nền xi-măng, mái tole và một công trình phụ tường gạch, nền xi-măng, mái tole làm nhà bếp cát năm 2003. Xung quanh có trồng cây như mai, xoài, chùm ruột...Phía sau có 12 ngôi mộ bằng đá của thân tộc ông Mai Văn L.

Mảnh Trích đo địa chính của Công ty TNHH Đ3 ngày 26/8/2024 trên thửa 326 tại khu A diện tích 100,5m² là thổ mộ chôn người chết.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V luôn cả đất mồ mả của thân tộc, theo kê khai của ông V là chưa đảm bảo đối tượng sử dụng đất. Ông V cũng trình bày trường hợp đất cấp cho ông là đất thổ mộ ông cũng đồng ý trả lại cho thân tộc. Việc Ủy ban cấp sai diện tích và đối tượng nên chi nhánh chỉnh lý cũng sai. Vì vậy đề nghị áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông bà Trần Hoàng V đối với thửa 326, TĐĐ 10; Hủy chỉnh lý hộ ông (bà) thành ông (bà). Đồng thời hủy quyết định hành chính có liên quan số 3469/QĐ-UB ngày 26/9/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 807 hộ sử dụng đất tại thị trấn H, huyện Đ theo danh sách có tên hộ ông Trần Hoàng V diện tích 1.233m² để giải quyết vụ án được triệt để. Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh L và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ chịu án phí theo quy định định. Hoàn trả án phí cho ông Mai Văn L.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi xét xử Người khởi kiện ông Mai Văn L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh L đã cấp cho hộ ông (bà) Trần Hoàng V và hủy

chỉnh lý từ hộ ông (bà) thành ông (bà) là yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Căn cứ theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Thời hiệu

Năm 2020 ông **Mai Văn L** cùng một số kiến họ **M** khởi kiện **UBND huyện Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trần Hoàng V** ngày 26/9/2001.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 74 ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã chấp nhận hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01001/QSĐĐ/0708-LA của **UBND huyện Đ** cấp ngày 26/9/2001.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 25/3/2022, ông **Trần Hoàng V** cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 (số vào sổ 01001/QSĐĐ/0708-LA) do **UBND tỉnh L** cấp ngày 26/9/2001 đối với thửa đất 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² **thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

Ngày 12/12/2022 ông **Mai Văn L** khởi kiện.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 Tòa án xác định vẫn còn thời hiệu 1 năm.

Trường hợp này, theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án không buộc người khởi kiện phải chứng minh chính xác ngày biết được người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về tư cách tố tụng

Ông **Mai Văn L** khởi kiện **UBND tỉnh L** hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông **Trần Hoàng V** nên xác định ông **Mai Văn L** là người khởi kiện; **UBND tỉnh L** là người bị kiện; ông **Trần Hoàng V** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND tỉnh L** cấp sau đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện Đ** chỉnh lý từ hộ gia đình sang cá nhân ông **Trần Hoàng V**.

Thời điểm giải quyết Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành nên căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 13 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2024 xác định Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện Đ** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến ông **Mai Trung L1**, bà **Mai Thị B**, ông **Mai Kim T1**, bà **Mai Kim Y1**, bà **Mai Thị Kim Q**, bà **Mai Ngọc K**, bà **Mai Khoa K1**, ông **Mai Minh T2** được xác định những người này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giấy chứng nhận cấp cho ông V trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án đưa bà Nguyễn Tí T3 là vợ ông V tham gia tố tụng cũng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người khởi kiện, người bị kiện ủy quyền hợp lệ và đúng theo Điều 60 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 là hợp lệ được chấp nhận.

[4] Đối thoại và công khai chứng cứ

Tòa án thực hiện đối thoại và công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 137 và Điều 138 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự, căn cứ vào Điều 157 Luật tố tụng Hành chính 2015.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Ông Mai Văn L khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 của UBND tỉnh L cấp cho hộ ông (bà) Trần Hoàng V ngày 26/9/2001 đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Hủy điều chỉnh của Chi nhánh Văn phòng Đ2 tại huyện Đ từ hộ ông (bà) thành ông (bà) Trần Hoàng V ngày 29/11/2018.

[7] Xét thấy:

[7.1] Ngày 26/9/2001 UBND tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 cho hộ ông (bà) Trần Hoàng V ngày 26/9/2001 đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Việc cấp theo Quyết định số 3469/QĐ-UB ngày 26/9/2001 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 807 hộ sử dụng đất tại thị trấn H, huyện Đ. Trong danh sách kèm theo có tên hộ ông Trần Hoàng V được cấp giấy chứng nhận với diện tích là 1.233m². Việc cấp giấy trên là cấp đại trà, không kiểm tra đo đạc thực tế.

[7.2] Ông Trần Hoàng V trình bày nguồn gốc đất mẹ ông “mua” sau đó chết để lại nhưng trong khi những người phía người khởi kiện không thừa nhận thì ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, ông Trần Hoàng V còn có đơn xin xác nhận ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tạm (bìa trắng) của Tỉnh Long An đối với diện tích đất 1.233m² (thửa 326, tờ bản đồ số 01) nhưng đối chiếu Chứng nhận quyền sử dụng đất số 443/CNĐĐ do UBND tỉnh L cấp ngày 23/11/1991 ông Trần Hoàng V được cấp 3 thửa đất tổng diện tích 3677m² không có thửa đất nào có diện tích 1.233m².

[8] Căn cứ vào “Tờ phân chia đất” ngày 05/7/2015 có đại diện các chi tham dự và ký tên, trong đó có ông Trần Hoàng V thừa nhận thửa đất 326, TĐĐ số 10 là đất thổ thân tộc. Đại diện các chi thống nhất chừa ra một phần làm đất thổ mộ còn lại chia 6 chi.

Theo “Tờ phân chia đất” ngày 05/7/2025, diện tích đất thửa đất 326, tờ bản đồ số 10 là đất của thân tộc, ông **Trần Hoàng V** là cháu ngoại chỉ đại diện chi thứ út - một trong trong 6 chi, chỉ được chia một phần.

[9] Tại các phiên tòa qua các ngày xét xử, ông **Trần Hoàng V** không thừa nhận thửa 326 là thửa đất thổ mộ và các ngôi mộ an táng trên đất thuộc thửa 326 nhưng căn cứ Mạnh Trích đo địa chính số 58-2024 của **Công ty TNHH Đ3** ngày 26/8/2024, vị trí số 3 có diện tích 189,5m² là khu mồ mã, gồm khu A thuộc thửa 326 (một phần thửa) diện tích 100,5m².

[10] Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện trên thửa đất 326, tờ bản đồ số 10 tại **thị trấn H** có hiện trạng như sau: một căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, nền xi-măng, mái tole và một công trình phụ tường gạch, nền xi-măng mái tole làm nhà bếp cất năm 2003. Xung quanh có trồng cây như mai, xoài, chùm ruột...Phía sau có 12 ngôi mộ bằng đá của thân tộc ông **Mai Văn L**. Ngoài ra, còn có chòi lá chứa củi, vật dụng khác. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp ranh các hộ liền kề.

[12] Như vậy, việc **UBND tỉnh L** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) ông **Trần Hoàng V** trên cơ sở kê khai đăng ký của ông **Trần Hoàng V** và cấp đại trà nên cơ quan quản lý đất đai đã không kiểm tra nguồn gốc đất, thực tế sử dụng nên dẫn đến sai diện tích, đối tượng.

[13] Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trần Hoàng V** là cấp lần đầu không đúng đối tượng nhưng sau đó có chỉnh lý từ hộ gia đình thành cá nhân ông (bà) nên cơ quan cấp giấy không thu hồi theo Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 do **UBND tỉnh L** cấp cho ngày 26/9/2001 đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² tọa lạc tại **thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

Hủy điều chỉnh từ hộ ông bà **Trần Hoàng V** sang ông bà **Trần Hoàng V** ngày 29/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện Đ**.

[14] Đối với Quyết định số 3469/QĐ-UB ngày 26/9/2001 của **Ủy ban nhân dân tỉnh L** về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 807 hộ sử dụng đất tại **thị trấn H, huyện Đ**. Danh sách kèm theo có tên hộ ông **Trần Hoàng V** được cấp diện tích 1.233m² là quyết định hành chính có liên quan. Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 hủy bỏ để giải quyết vụ án được triệt để.

[15] Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[16] Về chi phí thẩm định và đo đạc: 16.000.000đồng, người khởi kiện tự nguyện chịu, đã nộp xong.

[17] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Điều 348 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, người khởi kiện ông **Mai Văn L** không phải chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc **UBND tỉnh L** và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện Đ** mỗi người chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng Hành chính 2015;

Áp dụng Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 99, Điều 100 và điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Mai Văn L** đối với **UBND tỉnh L** về việc “ Hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

1.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268925 (số vào sổ 01001QSĐĐ/0708-LA ngày 26/9/2001) do **UBND tỉnh L** cấp ngày 26/9/2001 cho hộ ông (bà) **Trần Hoàng V** đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.233m² tọa lạc tại **thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

1.2. Hủy chính lý của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện Đ** ngày 29/11/2018 từ hộ ông (bà) **Trần Hoàng V** thành ông (bà) **Trần Hoàng V**.

1.3. Hủy một phần Quyết định số 3469/QĐ-UB ngày 26/9/2001 của **Ủy ban nhân dân tỉnh L** đối với trường hợp cấp diện tích 1.233m² đất cho hộ (ông) bà **Trần Hoàng V**.

2. Về chi phí tố tụng: 16.000.000đồng, người khởi kiện tự nguyện chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí Hành chính sơ thẩm:

Ông **Mai Văn L** không phải chịu, hoàn trả cho ông **Mai Văn L** 300.000đ theo Biên lai thu số 0006734 ngày 01/11/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh L và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ mỗi người phải chịu và nộp 300.000đ.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt hợp lệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quán

